TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VỊ THỦY** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2024/DS-ST
Ngày: 12 - 8 - 2024
V/v: Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN DÂN NHÂN HUYỆN VỊ THỦY, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đông Hà, bà Trần Thị Bé Ngọc.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Thanh Điền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang *tham gia phiên toà:* Bà Lê Thị Mỹ Phương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 46/2024/TLST-DS ngày 16 tháng 4 năm 2024, về việc "Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 183/2024/QĐXXST - DS, ngày 27 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số 147/2024/QĐST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1970; nơi cư trú: ấp C, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang (Vắng mặt);

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Lê N; nơi cư trú: ấp H, xã H, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 06/6/2024; có mặt).

Bị đơn: 1. Bà Dương Hoàng P, sinh năm 1961 (Vắng mặt).

2. Anh Trần Văn Q, sinh năm 1993 (Có mặt).

Cùng nơi cư trú: ấp C, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 11/4/2024, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà nguyên đơn bà Nguyễn Thị L (do ông Nguyễn Lê N đại diện) trình bày: Vào ngày 18/3/2022 (âm lịch), nguyên đơn có cho các bị đơn là bà Dương Hoàng P và anh Trần Văn Q mượn số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn thanh toán là 02 tháng 20 ngày. Do các bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc các bị đơn bà Dương Hoàng P và anh Trần Văn Q trả lại số tiền 50.000.000 đồng và lãi suất tính từ ngày 18/3/2022 âm lịch (viết tắt là A) cho đến khi vụ án đưa ra xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất do Nhà nước quy định.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 24/6/2024, bị đơn là bà Dương Hoàng P và anh Trần Văn Q (không có yêu cầu phản tố, có chung ý kiến) trình bày: Bà Nguyễn Thị L là người ở xóm; anh Q là con bà P, do cần tiền làm ăn nên anh Q có vay của bà L hai lần, mỗi lần vay 50.000.000đ. Do làm ăn thua lỗ nên anh Q nhờ bà P trả cho bà L số tiền 50.000.000đ vốn gốc và huỷ bỏ một biên nhận, bà L kêu bà P ký giấy nhận nợ là còn nợ 50.000.000đ, trong khi bà L còn giữ một biên nhận nợ của anh Q. Trong thời gian vay anh Q có đóng lãi được khoảng 20.000.000đ và bà P đóng lãi được 5.000.000đ, nhưng không có làm biên nhận.

Anh Q thừa nhận ngày 18/3/2022 AL có ký biên nhận nợ 50.000.000đ; nếu bà L cung cấp biên nhận này thì anh Q tự nguyện một mình anh Q trả toàn bộ nợ gốc 50.000.000đ và lãi suất theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bà L cung cấp thêm biên nhận chốt nợ giữa bà L với mẹ anh Q (bà Dương Hoàng P) thì anh Q với bà P cùng liên đới chịu trách nhiệm trả nợ và trả lãi theo quy định. Tại văn bản ngày 24/6/2024, bà P đề nghị miễn án phí, với lý do người cao tuổi (trên 60 tuổi).

Tình tiết, sự kiện các đương sự thỏa thuận được: Thống nhất ngày 18/3/2022 AL, bà L có cho bà P và anh Q vay số tiền 50.000.000đ.

Tình tiết, sự kiện các đương sự không thỏa thuận được: Bị đơn anh Q cho rằng có đóng lãi cho nguyên đơn số tiền 20.000.000đ và bà P có đóng lãi cho bà L số tiền 5.000.000đ; nguyên đơn (do ông N đại diện) không thừa nhận việc bị đơn có đóng lãi.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc thụ lý giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, ý thức chấp hành pháp luật của các đương sự là đúng pháp luật, bà Dương Hoàng P không chấp hành đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn anh Trần Văn Q, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn bà P; án phí bị đơn phải nộp theo quy định. Kiến nghị, khắc phục vi phạm: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Áp dụng pháp luật về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Vào năm 2022, giữa nguyên đơn với bị đơn có thoả thuận một hợp đồng vay tài sản, quá trình thực hiện hợp đồng đã phát sinh tranh chấp nên nguyên đơn khởi kiện; do các bị đơn cư trú tại ấp C, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ tranh chấp thuộc trường hợp "*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

[1.2] Về xét xử vắng mặt đương sự: Bà Dương Hoàng P đã được Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vắng mặt, không lý do, cũng không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan, không có người đại diện tham gia phiên toà. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, để xét xử vắng mặt.

[2] Áp dụng pháp luật về nội dung: Vào năm 2022, giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị L với bị đơn anh Trần Văn Q có thoả thuận một hợp đồng vay tài sản; do đó, áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết tranh chấp.

[3] Về yêu cầu khởi kiện: Bà Nguyễn Thị L yêu cầu các bị đơn bà Dương Hoàng P và anh Trần Văn Q trả số tiền vay (mượn) ngày 18/3/2022 AL là 50.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của Nhà nước từ ngày 18/3/2022 AL (tương ứng ngày 18/4/2022 Dương lịch "DL") cho đến ngày xét xử.

[4] Về phía nguyên đơn, để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là có căn cứ và hợp pháp, nguyên đơn cung cấp văn bản ghi nhận nội dung: *"Tôi tên Trần Văn Q có mượn của dì Lý 50.000.000đ (Năm chục triệu) thời gian 02 tháng 20 ngày tôi trả lại cho dì L không lấy lời. Qua 02 tháng 20 ngày tôi không có trả vốn được tôi xin đóng lời với giá rẻ*", bên dưới ghi ngày 18 tháng 3 năm 2022 âm lịch và có chữ ký và ghi rõ họ tên của anh Q. Theo biên bản lấy lời khai ngày 24/6/2024 bà P và anh Q thừa nhận, ngày 18 tháng 3 năm 2022 âm lịch có vay của nguyên đơn số tiền 50.000.000đ; tại phiên toà anh Q thừa nhận ngày 18 tháng 3 năm 2022 âm lịch có vay của bà L số tiền 50.000.000đ; như vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về số tiền vay ngày 18/3/2022 Al, được bị đơn thừa nhận. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ để chấp nhận.

[5] Về lãi suất: Theo văn bản ghi nhận nội dung: *"Tôi tên Trần Văn Q có mượn của dì Lý 50.000.000đ (Năm chục triệu) thời gian 02 tháng 20 ngày tôi trả lại cho dì L không lấy lời. Qua 02 tháng 20 ngày tôi không có trả vốn được tôi xin đóng lời với giá rẻ*", bên dưới ghi ngày 18 tháng 3 năm 2022 âm lịch; qua

đó cho thấy trong thời hạn 02 tháng 20 ngày kể từ ngày vay các bên không thoả thuận lãi suất; do đó, phần yêu cầu tính lãi suất từ ngày 18/3/2022 AL (tương ứng ngày 18/4/2022 Dương lịch "DL") là không có căn cứ, vì các bên không có thoả thuận.

[5.1] Tại phiên toà đại diện nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất kể từ khi hết thời hạn 02 tháng 20 ngày, sự thay đổi yêu cầu này của nguyên đơn (do ông N đại diện) phù hợp với thoả thuận trong giấy nhận nợ ngày 18/3/2022 AL (tương ứng ngày 18/4/2022 DL), không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu; đến ngày 08/7/2022 là hết thời hạn 02 tháng 20 ngày, cũng là ngày đến hạn bị đơn phải thanh toán, nhưng bị đơn không thanh toán theo cam kết, thoả thuận; do đó, bị đơn là bên vi phạm nghĩa vụ đã cam kết, thoả thuận; như vậy, khoản nợ trên được tính lãi kể từ ngày tiếp theo của ngày đến hạn (từ 09/7/2022) cho đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 12/8/2024), thời gian là 25 tháng 03 ngày.

[5.2] Theo giấy vay nợ và quá trình giải quyết vụ án, các đương sự không thống nhất được về mức lãi suất; tại phiên toà các đương sự có mặt đề nghị áp dụng mức lãi suất theo quy định của pháp luật. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự thì mức lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, theo mức lãi suất (20%/năm : 12 tháng) x 50% = 0,83% (tính tròn), mức lãi suất này được áp dụng để tính lãi chậm trả đối với số tiền vay: 50.000.000đ x 0,83%/tháng = 415.000đ/tháng; và 415.000đ : 30 ngày = 13.833đ/ngày.

[5.3] Thời gian từ ngày 09/7/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 12/8/2024) là: 25 tháng 03 ngày; do đó (50.000.000đ x 0,83%/tháng) x 25 tháng 03 ngày = 10.416.499đ tiền lãi, đây là số tiền lãi mà phía bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn; do đó yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật của nguyên đơn, là có căn cứ để chấp nhận.

[6] Theo biên bản lấy lời khai ngày 24/6/2024, bị đơn bà Dương Hoàng P và anh Trần Văn Q khai: Trong thời gian vay anh Q có đóng lãi được khoảng 20.000.000đ và bà P đóng lãi được 5.000.000đ, nhưng không có làm biên nhận; tại phiên toà anh Q khai trong quá trình vay anh Q có đóng lãi được khoảng 20.000.000đ và bà P đóng lãi được 5.000.000đ. Lời khai của bị đơn không được phía nguyên đơn thừa nhận, các bị đơn cũng không có tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh số tiền đã đóng lãi cho nguyên đơn; do đó, lời khai của các bị đơn về số tiền đã đóng lãi cho nguyên đơn, là không có căn cứ để xem xét.

[7] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà anh Q khai có vay của nguyên đơn (bà L) 02 lần, mỗi lần vay 50.000.000đ; tuy nhiên, bà L chỉ khởi kiện khoản vay 50.000.000đ ngày 18/3/2022 AL, mà không đề cập đến khoản vay khác; do đó Toà án chỉ xem xét trong phạm vi khởi kiện ban đầu của bà L;

trường hợp có phát sinh tranh chấp về khoản vay khác, đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết bằng một vụ án khác.

[8] Theo đơn khởi kiện và tại phiên toà, nguyên đơn (do ông N đại diện) giữ nguyên yêu cầu các bị đơn bà Dương Hoàng P và anh Trần Văn Q trả nợ vốn lãi theo quy định, với lý do bà P có cam kết trả nợ. Xét thấy, khoản vay 50.000.000đ ngày 18/3/2022 AL do anh Q vay và ký tên trong giấy nhận nợ, việc bà P cam kết trả nợ nhưng không nói rõ trả cho khoản nợ nào; anh Q có đủ năng lực trách nhiệm dân sự, nên anh Q phải có trách nhiệm với khoản vay do anh Q thực hiện; còn bà P không ký tên vay nợ, nên không có căn cứ để buộc bà P phải trả nợ cho nguyên đơn; do đó, ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bà Dương Hoàng P là có căn cứ; quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà anh Q tự nguyện trả nợ gốc và lãi theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của nguyên đơn nên ghi nhận.

[9] Tại văn bản ngày 24/6/2024 bà Dương Hoàng P xin miễn, giảm án phí; do bà P không phải trả nợ cho nguyên đơn, nên không cần phải miễn, giảm án phí cho bà P.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận. Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14, buộc bị đơn phải chịu án phí theo quy định: (60.416.499đ x 5% giá ngạch) = 3.020.824đ. Do đó, ý kiến của Kiểm sát viên đề xuất hướng giải quyết vụ án là có căn cứ.

[11] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 5, 6, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 85, các Điều 91, 92, 93, 95, 96, 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và các Điều 228, 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 117, 118, 119, 138, 274, 275, 280, 357, 463, 466, 468, 562 Bộ luật Dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14: Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L.

2. Buộc anh Trần Văn Q có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền vốn lãi tính đến ngày 12/8/2024 tổng cộng là: 60.416.499đ (Sáu mươi triệu bốn trăm mười sáu ngàn bốn trăm chín mươi chín đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (Từ ngày 13/8/2024) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của

số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn bà Dương Hoàng P, vì không có căn cứ.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

4.1. Buộc bị đơn anh Trần Văn Q phải chịu số tiền 3.020.824đ (Ba triệu không trăm hai mươi ngàn tám trăm hai mươi bốn đồng).

4.2. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L được nhận lại 1.250.000đ (Một triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0008630, ngày 16 tháng 4 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên toà được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Văn Hùng

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Vị Thủy;
- Chi cục THADS h.Vị Thủy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP;
- Cổng TTĐT (để công bố);